TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST
Ngày 21-9-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Mão

Ông Vũ Văn Khang

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Diệu Hương - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Lã Quốc Chỉnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 8 năm 2018 và ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 581/QĐDS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (sau đây gọi là TBank); địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T Bank, số 57 đường L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hải N, ông Đỗ Tuấn M và ông Nguyễn Xuân T; nơi công tác: Phòng xử lý nợ TBank, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 227/2018/GUQ-TPB.LC ngày 01/8/2018); ông N có mặt, ông M, và ông T vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H; nơi cư trú: Số 2 C71/315 đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Hoàng Thị H: Ông Bùi Trọng T; nơi cư trú: Số 2 C71/315 đường Đà N, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng (văn bản ủy quyền ngày 07/12/2017);

Ông T và bà H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng ngày 08/5/2017, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên P và ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H có ký hợp đồng tín dụng số 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG ngày 23/8/2013, theo đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần T cho ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H vay số tiền 480.000.000 đồng; thời hạn vay là 48 tháng; mục đích vay bù đắp mua nhà, lãi suất vay linh hoạt. Ngày 28/8/2013, TBank đã giải ngân số tiền 480.000.000 đồng cho ông T và bà H theo khế ước nhận nợ số 01 với thời hạn vay 84 tháng; lãi suất 13%/năm trong 03 tháng đầu tiên, định kỳ thay đổi lãi suất 03 tháng/lần theo công thức: lãi suất cho vay = lãi suất tiết kiệm 12 tháng (loại lĩnh lãi cuối kỳ) + 4,9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 16/6/2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 19-06.15/HĐTD/TPB/HPG với số tiền giải ngân 140.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng; mục đích vay sửa chữa nhà, lãi suất vay linh hoạt. Ngày 17/6/2015, TBank đã giải ngân số tiền 140.000.000 đồng cho ông T và bà H theo khế ước nhận nợ với thời hạn vay 48 tháng; lãi suất linh hoạt: lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 17/6/2017 là 7,9%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở 03 tháng của Tbank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,3%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 69 tờ bản đồ số CT-08 tại địa chỉ: lô 2 số 13C63 tập thể C, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số BD 309144, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04000 do UBND quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cấp cho ông Vũ Văn V, xác nhận chuyển nhượng lần 2 cho ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H ngày 13/8/2013. Hợp đồng

thế chấp giữa TBank với ông T và bà H số 06-08.13/HĐTC/TPB.HPG ngày 23/8/2013.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng nói trên, TBank đã giải ngân đủ số tiền 480.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 01 ngày 28/8/2013 và số tiền 140.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ ngày 17/6/2015 cho ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi. Tính đến phiên tòa hôm nay, ngày 21/9/2018, ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H còn nợ theo các hợp đồng tín dụng nói trên số tiền là:

- Đối với Hợp đồng tín dụng 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG ngày 23/8/2013:

+ Nợ gốc: 302.835.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 68.599.570 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 36.877.179 đồng

+ Phạt chậm trả lãi (từ 27/11/2013 đến 21/9/2018): 16.665.588 đồng

Tổng cộng: 424.977.337 đồng

- Đối với Hợp đồng tín dụng 19-06.15/HĐTD/TPB/HPG ngày 16/6/2015:

+ Nợ gốc: 116.640.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 17.573.810 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 18.270.502 đồng

+ Phạt chậm trả lãi: 3.939.774 đồng

Tổng cộng: 156.424.086 đồng

Như vậy, ông T và bà H còn nợ TBank tổng các khoản tiền nợ gốc, nợ lãi đối với các Hợp đồng tín dụng số 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG ngày 23/8/2013 và Hợp đồng tín dụng 19-06.15/HĐTD/TPB/HPG ngày 16/6/2015 tổng số tiền là:

+ Nợ gốc: 419.475.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 86.173.380 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 55.147.681 đồng

+ Phạt chậm trả lãi: 20.605.362 đồng

Tổng cộng: 581.401.423 đồng

Vì vậy, TBank khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H phải trả cho TBank số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại của 02 Hợp đồng tín dụng số 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG ngày 23/8/2013 và Hợp đồng tín dụng 19-

06.15/HĐTD/TPB/HPG ngày 16/6/2015 là 581.401.423 đồng (trong đó nợ gốc: 419.475.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 86.173.380 đồng; nợ lãi quá hạn: 55.147.681 đồng; phạt chậm trả lãi: 20.605.362 đồng). Ngoài ra, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông T và bà H phải tiếp tục trả số tiền lãi của số tiền nợ gốc từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền trên.

Trong trường hợp ông T và bà H không trả được các khoản tiền nợ nói trên, nguyên đơn đề nghị được yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 69 tờ bản đồ số CT-08 tại địa chỉ: lô 2 số 13C63 tập thể C, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số BD 309144, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04000 của Ủy ban nhân dân quận N cấp cho ông Vũ Văn V, xác nhận chuyển nhượng lần 1 cho ông Vũ Đức H và vợ là bà Vũ Thị Thu H; xác nhận chuyển nhượng lần 2 cho ông Bùi Trọng T và vợ là bà Hoàng Thị H tại chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất một cấp tại quận N, thành phố Hải Phòng ngày 13/8/2013 để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 06-08.13/HĐTC/TPB/HPG ngày 23/8/2013 và Bản sửa đổi bổ sung hợp đồng bảo đảm lần 1 số: 01/SĐBSHĐ/Tbank ngày 16/6/2015 đều được chứng nhận tại Văn phòng công chứng Đ, thành phố Hải Phòng; đã được đăng ký thế chấp ngày 26/8/2013 tại chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất một cấp tại quận N, thành phố Hải Phòng.

Về án phí: TBank đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có quan điểm thể hiện trong bản tự khai và các buổi hòa giải như sau;

Về việc ký kết và thực hiện 2 hợp đồng tín dụng cũng như ký kết hợp đồng thế chấp và bản sửa đổi bổ sung hợp đồng bảo đảm phía bị đơn đồng ý với quan điểm mà đại diện Ngân hàng Tbank đã trình bày. Bị đơn đã được giải ngân đủ số tiền vay theo 02 hợp đồng tín dụng nói trên nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại buổi hòa giải, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền còn lại của 02 hợp đồng tín dụng số 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG ngày 23/8/2013 và Hợp đồng tín dụng 19-06.15/HĐTD/TPB/HPG ngày 16/6/2015 là 519.479.085 đồng (trong đó nợ gốc: 419.475.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 64.729.786 đồng; nợ lãi quá hạn: 35.274.299 đồng).

Về phương thức và thời hạn thanh toán: Phía bị đơn có quan điểm như tại phiên hòa giải, đề nghị được thanh toán nợ gốc và xin được miễn giảm nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Về quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm: Phía bị đơn đồng ý sẽ phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp giữa hai bên nếu không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi cho nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại các phiên hòa giải và vắng mặt phiên tòa lần thứ ba dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 22/8/2018, đại diện nguyên đơn không trình bày được và không cung cấp được tài liệu chứng minh tại phiên tòa để yêu cầu chính xác số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa ngày 22/8/2018 để thu thập, bổ sung tài liệu chứng cứ trong thời hạn 30 ngày (từ ngày 22/8/2018 đến ngày 21/9/2018) là đúng với quy định tại Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa, ngày 21/9/2018 Tòa án tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự; qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa, xét thấy các hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên là hợp pháp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân đủ số tiền nợ gốc là 620.000.000 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 342; 351; 355; 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 21/9/2018 565.174.829 đồng. Cụ thể: Nợ gốc: 419.475.000 đồng (trong đó nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG là 302.835.000 đồng; nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG là 19-06.15/HĐTD/TPB/HPG là 116.640.000 đồng). Nợ lãi: 141.321.061 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn: 86.173.380 đồng; nợ lãi quá hạn: 55.147.681 đồng); đối với số tiền phạt chậm trả lãi chỉ chấp nhận từ thời điểm 15/3/2017 đến ngày xét xử số tiền là 4.378.768 đồng. Ông Bùi Trọng T và bà

Hoàng Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất được hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp nguyên đơn không thanh toán được khoản nợ gốc, nợ lãi trên từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì TBank có quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm theo thỏa thuận của hợp đồng thế chấp và văn bản sửa đổi, bổ sung giữa các bên.

Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 26.606.993 đồng; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu về phạt chậm trả lãi không được chấp nhận là 811.329 đồng. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và cá nhân là ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H với mục đích tiêu dùng (bù đắp mua nhà và sửa nhà) được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H cư trú trên địa bàn quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án thụ lý ngày 02/11/2017 đến ngày 02/5/2018 có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H đã có bản tự khai gửi Tòa án, đã tham gia phiên hòa giải lần thứ nhất và vắng mặt tại phiên hòa giải lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa ngày 01/6/2018, ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất và có đơn xin hoãn phiên tòa, tại phiên tòa ngày 29/6/2018 bị đơn vắng mặt lần thứ hai vì lý do bất khả kháng (ốm và có xác nhận của cơ sở y tế) và có đơn xin hoãn phiên tòa và tại phiên tòa ngày 26/7/2018 nguyên đơn vắng mặt lần thứ nhất và có đơn xin hoãn phiên tòa

nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa vào các ngày trên. Tòa án đã tống đạt trực tiếp cũng như niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của ông T, bà H; trụ sở Ủy ban nhân dân phường C và tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền. Phiên tòa ngày 22/8/2018, ông T và bà H tiếp tục vắng mặt lần thứ ba không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 22/8/2018, đại diện nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng minh số tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán và không thể bổ sung tại phiên tòa được. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa ngày 22/8/2018 để thu thập, bổ sung tài liệu chứng cứ trong thời hạn 30 ngày (từ ngày 22/8/2018 đến ngày 21/9/2018) theo quy định tại Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định tạm ngừng phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.. Hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa, ngày 21/9/2018 Tòa án tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Xét về áp dụng pháp luật nội dung:

[4] Việc ký kết các hợp đồng tín dụng số 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG và Hợp đồng tín dụng 19-06.15/HĐTD/TPB/HPG; Hợp đồng thế chấp số 06-08.13/HĐTC/TPB/HPG và Bản sửa đổi bổ sung hợp đồng bảo đảm lần 1 số: 01/SĐBSHĐ/TPbank giữa hai bên được xác lập vào thời điểm năm 2013, năm 2015; đến nay có tranh chấp nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5] Các Hợp đồng tín dụng số 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG ngày 23/8/2013 và Hợp đồng tín dụng 19-06.15/HĐTD/TPB/HPG ngày 16/6/2015 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và bên vay là ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H tuân thủ quy định tại Điều 121, 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 với các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy các hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên. Theo đó, TBank đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, giải ngân cho ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H vay đủ số tiền của 02 hợp đồng là 620.000.000 đồng. Ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình theo điều khoản trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định trong các hợp đồng tín dụng. Vì vậy, TBank khởi kiện buộc ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H phải trả nợ gốc, nợ lãi để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay,

ngày 21/9/2018, ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho TPbank số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại của 02 Hợp đồng tín dụng là:

- Đối với Hợp đồng tín dụng 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG ngày 23/8/2013:

+ Nợ gốc: 302.835.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 68.599.570 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 36.877.179 đồng

- Đối với Hợp đồng tín dụng 19-06.15/HĐTD/TPB/HPG ngày 16/6/2015:

+ Nợ gốc: 116.640.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 17.573.810 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 18.270.502 đồng

[6] Đối với khoản phạt chậm trả lãi, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính từ thời điểm bị đơn vi phạm kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 27/11/2013 đối với Hợp đồng tín dụng số 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG ngày 23/8/2013 và từ ngày 27/7/2015 đối với Hợp đồng tín dụng 19-06.15/HĐTD/TPB/HPG ngày 16/6/2015, với mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất trong hạn với tổng số tiền là 20.605.362 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, chỉ có căn cứ chấp nhận khoản phạt chậm trả lãi tính từ thời điểm 15/3/2017 (là ngày có hiệu lực của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng) đến ngày mở phiên tòa 21/9/2018, theo mức lãi suất 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016. Như vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần tổng số tiền phạt chậm trả lãi của 02 Hợp đồng tín dụng là 4.378.768 đồng.

[7] Như vậy, ông T và bà H còn nợ TBank tổng các khoản tiền nợ gốc, nợ lãi đối với các Hợp đồng tín dụng số 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG ngày 23/8/2013 và Hợp đồng tín dụng 19-06.15/HĐTD/TPB/HPG ngày 16/6/2015 tổng số tiền là:

- Nợ gốc: 419.475.000 đồng

- Nợ lãi trong hạn: 86.173.380 đồng

- Nợ lãi quá hạn: 55.147.681 đồng

- Phạt chậm trả lãi: 4.378.768 đồng

Tổng cộng: 565.174.829 đồng

- Về yêu cầu phát mại tài sản:

[8] Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, nguyên đơn và bị đơn còn ký kết Hợp đồng thế chấp số 06-08.13/HĐTC/TPB/HPG ngày 23/8/2013 và Bản sửa đổi bổ sung hợp đồng bảo đảm lần 1 số: 01/SĐBSHĐ/TPbank ngày 16/6/2015 đều được chứng nhận tại Văn phòng công chứng Đ, thành phố Hải Phòng; đã được đăng ký thế chấp ngày 26/8/2013 tại chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất một cấp tại quận N, thành phố Hải Phòng phù hợp với quy định của pháp luật cả về hình thức và nội dung. Vì vậy, trường hợp bị đơn không trả được các khoản nợ nói trên từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì ông T, bà H còn phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người thế chấp đối bên nhận thế chấp - TBank theo thỏa thuận của hợp đồng thế chấp và văn bản sửa đổi, bổ sung nêu trên theo quy định tại các Điều 342; 351; 355; 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Về án phí:

[9] Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Yêu cầu khởi kiện của TBank được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu về phạt chậm trả lãi không được chấp nhận là: (20.605.362 đồng - 4.378.768 đồng) x 5% = 811.329 đồng. Trả lại cho TBank số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.755.670 đồng.

[10] Bị đơn ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là: 20.000.000 đồng + 4% x (565.174.829 đồng - 400.000.000 đồng) = 26.606.993 đồng.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào các điều 342; 351; 355;471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H.

1. Bị đơn ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T tổng số tiền nợ còn lại của 02 Hợp đồng tín dụng số 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG ngày 23/8/2013 và Hợp đồng tín dụng 19-06.15/HĐTD/TPB/HPG ngày 16/6/2015 tính đến ngày 21/9/2018 là 565.174.829 đồng. Cụ thể:

- Nợ gốc: 419.475.000 đồng (trong đó nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG là 302.835.000 đồng; nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG là 19-06.15/HĐTD/TPB/HPG là 116.640.000 đồng)

- Nợ lãi và phạt chậm trả lãi: 145.699.829 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn: 86.173.380 đồng; nợ lãi quá hạn: 55.147.681 đồng; phạt chậm trả lãi: 4.378.768 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về quyền phát mại tài sản:

Trong trường hợp ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H không trả được khoản số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 69 tờ bản đồ số CT-08 tại địa chỉ: lô 2 số 13C63 tập thể C, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số BD 309144, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04000 của Ủy ban nhân dân quận N cấp cho ông Vũ Văn V, xác nhận chuyển nhượng lần 1 cho ông Vũ Đức H và vợ là bà Vũ Thị Thu H; xác nhận chuyển nhượng lần 2 cho ông Bùi Trọng T và vợ là bà Hoàng Thị H tại chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất một cấp tại quận N, thành phố H ngày 13/8/2013 để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 06-08.13/HĐTC/TPB/HPG ngày 23/8/2013 và Bản sửa đổi bổ sung hợp đồng bảo đảm lần 1 số: 01/SĐBSHĐ/Tbank ngày 16/6/2015 đều được chứng nhận tại Văn phòng công chứng Đ, thành phố Hải Phòng; đã được đăng ký thế chấp ngày 26/8/2013 tại chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất một cấp tại quận N, thành phố Hải Phòng.

3. Về án phí:

Ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H phải chịu 26.606.993 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần T phải chịu 811.329 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho TBank số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.755.670 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2091 ngày 02/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải phòng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Bùi Trọng T và bà Hoàng Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thu